

Câu 1-10:

4

Hiển thị đọc

Cho dạng đúng của động từ trong ngoặc vào chỗ trống. *Lưu ý: Đối với câu nghi vấn, viết đáp án như ví dụ sau: Do – have.*

1

1. Janna _____ (run) in the park every morning.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

 runs

[Ẩn Giải thích](#)

Thì hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'Janna' tên riêng, nên động từ 'run' cần thêm 's' ở thì hiện tại đơn.

Tạm dịch: Janna chạy trong công viên vào mỗi buổi sáng.

→ runs

2

2. They _____ (be/ not) usually late.

 Bạn chưa trả lời câu hỏi này

 are not / aren't

[Ẩn Giải thích](#)

Thì hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'They' số nhiều, nên động từ to be ta cần chia là 'are', thêm 'not' phía sau ta được are not/aren't

Tạm dịch: Họ không lúc nào muộn cả.

→ are not

→ aren't

5



3. _____ he _____ (eat) dinner at 7 p.m. every day?

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này



✓ Does – eat

[Ẩn Giải thích](#)

Thì hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'he' số ít. Vì đây là câu nghi vấn, nên ta cần dùng trợ động từ 'does'. Khi đó động từ 'eat' giữ nguyên.

Tạm dịch: Có phải anh ấy ăn tối lúc 7h mỗi ngày không?

→ Does – eat

4



4. They _____ (not/ cycle) to school.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này



✓ do not cycle / don't cycle

[Ẩn Giải thích](#)

Thì hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'They' số nhiều, nên ta dùng trợ động từ do. Khi đó, động từ cycle giữ nguyên.

Tạm dịch: Họ không đạp xe tới trường.

→ do not cycle

→ don't cycle

1

5. She (be) _____ always careful.



i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ is

[Ẩn Giải thích](#)

Thì hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'She' số ít, nên động từ to be ta chia là is.

Tạm dịch: Cô ấy lúc nào cũng cẩn thận.

→ is

2



6. (Be) _____ your father always busy?

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ Is

[Ẩn Giải thích](#)

Thì hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'your father' số ít, nên động từ to be ta chia là is. Vì đây là câu nghi vấn, nên ta đặt 'Is' trước chủ ngữ 'your father' và viết hoa.

Tạm dịch: Bố cô ấy lúc nào cũng bận rộn phải không?

→ Is

5



7. My brother never (tidy) _____ his room.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ tidies

[Ẩn Giải thích](#)

Thì hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'my brother' số ít, nên động từ 'tidy' ta chuyển 'y' thành 'i' rồi thêm 'es'.

Tạm dịch: Anh trai của tôi không bao giờ dọn dẹp phòng của mình.

→ tidies

2



8. Do you often (have) _____ breakfast at 7 a.m.?

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ have

[Ẩn Giải thích](#)

Thì hiện tại đơn:

Ta thấy đây là câu nghi vấn, nên động từ 'have' giữ nguyên.

Tạm dịch: Bạn thường ăn sáng lúc 7h à?

→ have

1



9. His daughter (do) _____ her homework after dinner.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ does

[Ẩn Giải thích](#)

Thì hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'his daughter' số ít, nên động từ 'do' ta thêm 'es'.

Tạm dịch: Con gái của anh ấy làm bài tập về nhà sau bữa tối.

→ does



10. Our children always (meet) _____ their friends on weekends.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ meet

[Ẩn Giải thích](#)

Thi hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'Our children' số nhiều, nên động từ 'meet' giữ nguyên.

Tạm dịch: Những đứa con của chúng tôi luôn gặp bạn bè vào cuối tuần.

→ meet

Câu 11-20:



Hiện thị đọc

Chọn đáp án đúng.



11. _____ your bedroom always neat?

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

✓ A. Is

[Ẩn Giải thích](#)

Thi hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'your bedroom' (phòng ngủ của bạn) số ít, nên ta dùng động từ to be là 'is'.

Tạm dịch: Phòng ngủ của bạn lúc nào cũng gọn gàng phải không?

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. Are

☐ C. Am

TAILIEUONTHI.NET

12. We _____ vegetables and fruits.



i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. hates

☐ B. doesn't hate

☒ C. don't hate

[Ẩn Giải thích](#)

Thi hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'we' số nhiều, nên ta dùng trợ động từ 'don't'. Khi đó, động từ 'hate' giữ nguyên.

Tạm dịch: Chúng tôi không ghét rau củ quả.

→ **Chọn đáp án C**



13. The sun _____ in the West.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. set

☐ B. don't set

☒ C. sets

[Ẩn Giải thích](#)

Thi hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'The sun' (mặt trời) số ít, nên ta chỉ có thể dùng động từ 'sets'.

Tạm dịch: Mặt trời lặn ở đằng Tây.

→ **Chọn đáp án C**

2



14. He _____ the trees.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. water hardly

☒ B. hardly waters

[Ẩn Giải thích](#)

Thi hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'He' số ít, nên động từ 'water' thêm 's'.

Trạng từ chỉ tần suất (hardly) luôn đứng trước động từ thường và sau động từ to be, nên ta dùng 'hardly waters'.

Tạm dịch: Anh ấy hiếm khi tưới cây.

→ **Chọn đáp án B**

☐ C. waters hardly

3



15. Her baby _____ every night.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. crys

☒ B. cries

[Ẩn Giải thích](#)

Thi hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'her baby' (đứa con của cô ấy) số ít, nên động từ 'cry' ta chuyển 'y' thành 'i' rồi thêm 'es'.

Tạm dịch: Con cô ấy khóc vào mỗi đêm.

→ **Chọn đáp án B**

☐ C. cry

3



16. _____ people late?

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. Is

☐ B. Does

☒ C. Are

[Ẩn Giải thích](#)

Thi hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'people' (mọi người) số nhiều, nên ta dùng động từ to be là 'are'.

Tạm dịch: Mọi người có tới muộn không?

→ **Chọn đáp án C**

1



17. Their children _____ very lovely.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. is

☒ B. are

[Ẩn Giải thích](#)

Thi hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'their children' (những đứa con của họ) số nhiều, nên ta dùng động từ to be là 'are'.

Tạm dịch: Những đứa con của họ rất đáng yêu.

→ **Chọn đáp án B**

☐ C. am



18. It _____ in the summer.

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. never snows

[Ẩn Giải thích](#)

Thi hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'It' số ít, nên động từ 'snow' thêm 's'.

Trạng từ chỉ tần suất (never) luôn đứng trước động từ thường và sau động từ to be, nên ta dùng 'never snows'.

Tạm dịch: Tuyệt không bao giờ rơi vào mùa hè.

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. snows never

☐ C. never snow

1



19. _____ your father work at the bank?

i Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☒ A. Does

[Ẩn Giải thích](#)

Thi hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'your father' (bố của bạn) số ít, nên ta dùng trợ động từ 'does'.

Tạm dịch: Bố của bạn làm việc ở ngân hàng à?

→ **Chọn đáp án A**

☐ B. Are☐ C. Do

6



20. My sister _____ a novel every night.

Bạn chưa trả lời câu hỏi này

☐ A. reads always☒ B. always reads

[Ẩn Giải thích](#)

Thì hiện tại đơn:

Ta thấy chủ ngữ là 'my sister' (chị gái của tôi) số ít, nên động từ 'read' thêm 's'.

Trạng từ chỉ tần suất (always) luôn đứng trước động từ thường và sau động từ to be, nên ta dùng 'always reads'.

Tạm dịch: Chị gái của tôi luôn đọc một cuốn tiểu thuyết vào mỗi buổi tối.

→ **Chọn đáp án B**

☐ C. always read

TAILIEUONTHI.NET